

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Dương Minh;

Ông Hà Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 27-3-2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2024/TLST-HS ngày 01-02-2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HS ngày 04-3-2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 11/2024/HSST-TB ngày 13-3-2024; đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 28 tháng 01 năm 1988 tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Nơi đăng ký thường trú: Phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Đinh Thị Đ; có vợ là Hoàng Thị T và có 01 con chung sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo đã 02 lần bị xét xử và 02 lần bị xử phạt hành chính, cụ thể: Bản án số 32/2008/HSPT ngày 07-3-2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xử phạt bị cáo 72 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (xét xử phúc thẩm đối với Bản án sơ thẩm số 61/2007/HSST ngày 12-12-2007 của Tòa án nhân dân huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh). Bản án số 35/2012/HSST ngày 14-12-2012 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo 16 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Quyết định số 153/QĐ-XPHC ngày 25-10-2016 của Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc. Quyết định 28/QĐ-XPHC ngày 22-01-2017 của Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi Đánh nhau. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04-10-2023 cho đến nay; có mặt.

2. Hoàng Ký P, sinh ngày 16 tháng 01 năm 1993 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn;

nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Việt C và bà Hoàng Thị N; có vợ là Nông Thị T và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21-11-2023 cho đến nay; có mặt.

3. Hoàng Phi H, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2001 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú: Đường T, khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký tạm trú: Thôn A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre; chỗ ở: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình T và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị Thùy T và có 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04-10-2023 cho đến nay; có mặt.

4. Nông Văn Q, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1992 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T (đã chết), con bà Hoàng Thị A; có vợ là Hoàng Thị Mai L và có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04-10-2023 cho đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn Q:* Bà Dương Thị Quỳnh H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Lý Văn H; nơi cư trú: Khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; hiện đang chấp hành án tại K5 P, Thái Nguyên; vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của anh Lý Văn H: Chị Hoàng Lệ H (vợ anh Lý Văn H; nơi cư trú: Khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Nguyễn Văn Đ đến khu vực cửa khẩu T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn làm ăn sinh sống và có quen một người đàn ông Trung Quốc tên là A, cả hai cho nhau tài khoản Wechat để liên lạc. Năm 2019, Nguyễn Văn Đ thuê 03 phòng trọ của gia đình ông Hoàng Văn T; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để ở; gần đây do không có khách trọ nên Nguyễn Văn Đ mượn thêm 03 phòng trọ của gia đình ông Hoàng Văn T để làm kho chứa đồ.

Khoảng 18 giờ ngày 01-10-2023, A điện thoại cho Nguyễn Văn Đ đặt vấn đề thuê đón 10 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép ở khu vực cửa khẩu T và tìm chỗ nghỉ cho khách, sau đó sẽ có người liên hệ đến đón; tiền công là 500

NDT/ khách; thời gian đón khách sẽ thông báo cụ thể sau; khi nào đón được khách thì quay video gửi qua Wechat cho A; Nguyễn Văn Đ đồng ý.

Nguyễn Văn Đ bảo Hoàng Phi H đi chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ khu vực cửa khẩu T đưa về phòng trọ của Nguyễn Văn Đ, tiền công là 500.000 đồng/chuyến; Hoàng Phi H đồng ý.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn Đ được A điện thoại thông báo sẽ có người liên lạc với Nguyễn Văn Đ qua Wechat để giao 03 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép; đồng thời A bảo Nguyễn Văn Đ tìm người lên khu vực biên giới đón 07 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép còn lại và gửi cho Nguyễn Văn Đ tài khoản Telegram của một người Trung Quốc tên là B để liên lạc nhận khách; Nguyễn Văn Đ đồng ý.

Nguyễn Văn Đ liên lạc với Hoàng Ký P để đi đón khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép đồng thời gửi tài khoản Telegram của B cho Hoàng Ký P để tự liên lạc nhận khách và thỏa thuận tiền công. Hoàng Ký P liên lạc với B và được biết địa điểm đón khách ở khu vực cột mốc 1081 rồi đưa đến khu vực cửa khẩu T, tiền công là 1000 NDT/khách; Hoàng Ký P đồng ý. Hoàng Ký P thông báo cho Nguyễn Văn Đ biết về nội dung đã thỏa thuận với B. Nguyễn Văn Đ bảo Hoàng Ký P đưa khách đến khu vực cửa khẩu T thì gọi Hoàng Phi H đến nhận khách, Nguyễn Văn Đ chịu trách nhiệm nhận tiền công từ phía Trung Quốc để trả cho Hoàng Ký P. Nguyễn Văn Đ gọi điện cho Hoàng Phi H dặn khi nào thấy Hoàng Ký P gọi thì đi đón khách.

Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 01-10-2023, Hoàng Phi H gặp Nông Văn Q và rủ Nông Văn Q đi chở khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép với tiền công là 500.000 đồng/chuyến; Nông Văn Q đồng ý.

Khoảng 23 giờ ngày 01-10-2023, Nguyễn Văn Đ nhận được cuộc gọi qua Wechat của một người đàn ông không quen biết hỏi vị trí giao khách, Nguyễn Văn Đ gửi vị trí phòng trọ của mình qua Wechat cho người đó, khoảng 15 phút sau có một xe ô tô 05 chỗ chở 03 người khách Trung Quốc đến chỗ Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Đ nhận khách và đưa vào phòng trọ rồi khóa cửa lại. Cùng thời điểm này, Hoàng Ký P đi bộ đến khu vực đồi K thuộc xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn thì gặp 02 người đàn ông Việt Nam đang dẫn 07 người Trung Quốc đi bộ từ hướng cột mốc biên giới 1081 đến, 02 người đàn ông Việt Nam cho Hoàng Ký P biết đây là khách của Nguyễn Văn Đ; Hoàng Ký P cùng 02 người đàn ông này dẫn 07 khách Trung Quốc đi bộ theo đường mòn đến khu vực cửa khẩu T.

Khoảng 01 giờ ngày 02-10-2023, khi đi đến khu vực cổng thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; Hoàng Ký P thông báo cho Hoàng Phi H đến đón khách. Hoàng Phi H bảo Hoàng Ký P dẫn khách đến khu vực đường vắng gần chùa T. Hoàng Ký P tiếp tục dẫn 07 khách Trung Quốc đi bộ đến gần chùa T và gửi vị trí qua Telegram cho Hoàng Phi H rồi đi về nhà.

Khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, Hoàng Phi H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12V1-0563x, Nông Văn Q điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12S1-628x đến khu vực cửa khẩu T để đón khách. Hoàng Phi H và Nông Văn Q mỗi

người chở 02 chuyến được tổng cộng 07 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đưa về phòng trọ giao cho Nguyễn Văn Đ.

Nguyễn Văn Đ sử dụng điện thoại quay video 10 khách Trung Quốc rồi gửi cho A. A bảo Nguyễn Văn Đ sẽ có người liên hệ để nhận khách và trả toàn bộ tiền công cho Nguyễn Văn Đ và Hoàng Ký P.

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 02-10-2023, tổ công tác Công an huyện Văn Lãng chủ trì phối hợp với Phòng An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Đoàn Biên phòng Tân Thanh đang làm nhiệm vụ tại khu vực thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; phát hiện tại phòng trọ thứ 3 trong dãy nhà trọ của ông Hoàng Văn T ồn ào, có biểu hiện nghi vấn nên đã kiểm tra phát hiện, bên trong phòng trọ có 10 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép; tổ công tác đã lập biên bản sự việc và tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can theo quy định.

Quá trình điều tra các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã tóm tắt ở trên.

Cáo trạng số 23/CT-VKSLS-P2 ngày 01-02-2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Hoàng Ký P, Hoàng Phi H và Nông Văn Q về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Trong đó bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu trách nhiệm đối với 10 người nhập cảnh trái phép; các bị cáo còn lại phải chịu trách nhiệm đối với 07 người nhập cảnh trái phép.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức hình phạt thấp nhất để các bị cáo sớm trở về gia đình và xã hội.

Chị Hoàng Thị H trình bày: Xe mô tô Biển Kiểm soát 12V1-056.3x do chồng chị là anh Lý Văn H đứng tên đăng ký. Do không có nhu cầu sử dụng xe nên chị đã cho Hoàng Phi H mượn và không biết việc Hoàng Phi H sử dụng xe mô tô nói trên vào việc phạm tội. Hiện nay anh Lý Văn H đang chấp hành án phạt tù, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe mô tô nói trên cho chị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Hoàng Ký P, Hoàng Phi H và Nông Văn Q phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; riêng bị cáo Hoàng Phi H, Hoàng Ký P và Nông Văn Q đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù; bị cáo Hoàng Ký P từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù; bị cáo Hoàng Phi H từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù; bị cáo Nông Văn Q từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Miễn nghĩa vụ nộp tiền án phí cho bị cáo Nông Văn Q; buộc các bị cáo Nguyễn

Văn Đ, Hoàng Ký P và Hoàng Phi H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng:

Xe mô tô biển kiểm soát 12V1-0563x mà bị cáo Hoàng Phi H sử dụng vào việc phạm tội là của anh Lý Văn H, do anh Lý Văn H đứng tên đăng ký xe và cho bị cáo mượn để đi lại; vợ chồng anh Lý Văn H không biết việc bị cáo sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội. Vì vậy, trả lại xe này cho anh Lý Văn H.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 12S1-628x là do bị cáo Nông Văn Q mua nhưng chưa sang tên đổi chủ. Bị cáo là người quản lý sử dụng hợp pháp đối với tài sản và đã sử dụng xe mô tô này vào việc phạm tội. Vì vậy, cần tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước.

Tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước 02 chiếc điện thoại Iphone thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị cáo Hoàng Phi H do liên quan đến hành vi phạm tội. Riêng điện thoại di động Oppo thu giữ của bị cáo Hoàng Phi H và điện thoại Iphone thu giữ của bị cáo Nông Văn Q không liên quan đến việc phạm tội, vì vậy cần trả lại cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn Q: Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, xử lý vật chứng. Về mức hình phạt mà Viện Kiểm sát đề nghị có phần nghiêm khắc vì: Bị cáo Nông Văn Q là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn nên sự hiểu biết pháp luật phần nào bị hạn chế; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và có vai trò thấp nhất trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ đảm bảo tính răn đe và phòng chống tội phạm; đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Vì mục đích vụ lợi, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã tổ chức cho 10 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép; trong đó Nguyễn Văn Đ tự mình đón 03 người nhập

cảnh trái phép; các bị cáo Hoàng Phi H, Hoàng Ký P và Nông Văn Q giúp sức cho Nguyễn Văn Đ đón 07 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Khi cả 10 người nhập cảnh trái phép đang có mặt tại phòng trọ do Nguyễn Văn Đ sắp xếp để đợi người liên lạc đến đón đưa sâu vào lãnh thổ Việt Nam thì phát hiện bắt quả tang. Do đó, hành vi của các bị cáo phạm vào tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2025. Vì vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, gây mất ổn định xã hội tại địa phương nhất là khu vực biên giới. Chính vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần được xử lý nghiêm minh đúng quy định của pháp luật nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Đây là vụ án hình sự đồng phạm giản đơn, do các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm. Bị cáo Nguyễn Văn Đ là người có vai trò chính trong vụ án, trực tiếp liên lạc, tiếp nhận thông tin từ đầu mối bên Trung Quốc; gọi Hoàng Ký P và Hoàng Thị Hòa đi đón người nhập cảnh trái phép. Các bị cáo Hoàng Ký P, Hoàng Phi H và Nông Văn Q là những người thực hành tích cực. Trong đó, bị cáo Hoàng Ký P có vai trò cao hơn, là người liên lạc với đầu mối Trung Quốc để đón 07 người nhập cảnh trái phép từ mốc biên giới 1081; bị cáo Nông Văn Q bị động khi được Hoàng Phi H rủ đi chở người nhập cảnh trái phép, không được bàn bạc thỏa thuận trước nên bị cáo là người có vai trò thấp nhất trong vụ án.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn Đ đã bị Tòa án kết án và cơ quan Công an xử phạt vi phạm hành chính; mặc dù đến thời điểm phạm tội lần này, bị cáo đã được xóa tiền án, tiền sự nhưng điều đó thể hiện bị cáo là người có nhân thân không tốt. Các bị cáo Hoàng Ký P, Hoàng Phi H và Nông Văn Q đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Cả 04 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân nên cả 04 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Sau khi sự việc bị phát giác, các bị cáo Hoàng Ký P và Hoàng Phi H đã đến Cơ quan Công an để đầu thú; bị cáo Nông Văn Q là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, các bị cáo Hoàng Ký P, Hoàng Phi H và Nông Văn Q còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rõ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì vụ lợi mà nhất thời phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét

quyết định mức hình phạt phù hợp quy định của pháp luật và đảm bảo sự công bằng giữa các bị cáo trong cùng vụ án.

[7] Từ những phân tích trên, xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo thấy các bị cáo không có việc làm, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về biện pháp tư pháp: Các bị cáo chưa được nhận tiền công nên không áp dụng biện pháp tư pháp đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 điện thoại Iphone thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị cáo Hoàng Phi H và chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 12S1-628x cùng các giấy tờ kèm theo thu giữ của bị cáo Nông Văn Q; là tài sản của bị cáo và có liên quan đến hành vi phạm tội nên cần được tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước. Trả lại bị cáo Hoàng Phi H 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; trả lại bị cáo Nông Văn Q 01 điện thoại di động Iphone vì không liên quan đến hành vi phạm tội. Đối với xe mô tô biển kiểm soát 12V1-0563x là tài sản của anh Lý Văn H, vợ chồng anh Lý Văn Hải không biết bị cáo Hoàng Phi H sử dụng tài sản của mình vào việc phạm tội; vì vậy, trả lại xe mô tô biển kiểm soát 12V1-0563x cùng các giấy tờ kèm theo cho anh Lý Văn H do chị Hoàng Lệ H là người đại diện nhận.

[11] Đối với 10 Công dân Trung Quốc có hành vi nhập cảnh trái phép vào Việt Nam đã bị trục xuất theo thủ tục hành chính về Trung Quốc qua Cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị.

[12] Đối với các đối tượng người Trung Quốc có tên là A, B và các đối tượng giao khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép cho các bị cáo. Do các bị cáo không có thông tin về nhân thân và địa chỉ cư trú cụ thể nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ.

[13] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, đề nghị của người bào chữa, ý kiến, đề nghị nào có căn cứ, phù hợp với nhận định nêu trên thì được Hội đồng xét xử chấp nhận; ý kiến, đề nghị nào không phù hợp với nhận định nêu trên thì không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí: Do các bị cáo bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, sung Ngân sách Nhà nước. Riêng đối với bị cáo Nông Văn Q, do bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đề nghị miễn án phí; vì vậy Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nông Văn Q.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Hoàng Phi H, Hoàng Ký P và Nông Văn Q.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, 3 Điều 106; khoản 1 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Hoàng Ký P, Hoàng Phi H và Nông Văn Q phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt 04-10-2023.

2.2 Xử phạt bị cáo Hoàng Ký P 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt 21-11-2023.

2.3 Xử phạt bị cáo Hoàng Phi H 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt 04-10-2023.

2.4 Xử phạt bị cáo Nông Văn Q 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 04-10-2023.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1 *Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước:*

- Một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen xám, máy cũ đã qua sử dụng; IMEI 1: 354466596091848; IMEI 2: 354466596239702, trong máy có 01 sim mạng Vinaphone; thu giữ của Nguyễn Văn Đ.

- 01 (một) máy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu ghi có hoa văn, máy cũ, đã qua sử dụng; số IMEI 1: 358863664575890; số IMEI 2: 358863665482641, trong máy có một sim mạng Viettel; thu giữ của Hoàng Phi H.

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE, loại xe hai bánh từ 50 – 175cm³, màu sơn: Đỏ xám đen, có biển kiểm soát: 12S1-628x, số loại: JC43WAVES; số khung: JC4319BY035907; số máy: JC43E1573144; dung tích xi lanh: 109cm³, năm sản xuất: 2010, số chỗ ngồi: 02, xe cũ đã qua sử dụng (xe không có gương chiếu hậu). Kèm theo: 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số

001246, tên chủ xe Dương Văn N; biển số đăng ký 12S1-6287, do Công an huyện Bắc Sơn cấp ngày 17-11-2010; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ mô tô, xe máy, xe máy điện số GCNBH: 22XM221070532 do Tổng công ty Cổ phần bảo hiểm bưu điện (PII) cấp ngày 28/9/2022, 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô – xe máy – xe máy điện số 22XM221070532; thu giữ của Nông Văn Q.

3.2 *Trả lại bị cáo Hoàng Phi H:* 01 (một) máy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu đen, máy cũ đã qua sử dụng; số IMEI 1: 867950064734955; số IMEI 2: 867950064734948, trong máy có một sim mạng viettel.

3.3 *Trả lại bị cáo Nông Văn Q:* 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh đen, máy cũ đã qua sử dụng; IMEI 1: 352851114206527; IMEI 2: 352851114126691, trong máy có 01 sim mạng Viettel.

3.4 *Trả lại anh Lý Văn H do chị Hoàng Lệ H là người đại diện:* 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE, loại xe hai bánh từ 50 – 175cm³, màu sơn: trắng đen, có biển kiểm soát: 12V1-056.3x, số loại: JC52E WAVE RS; số khung: RLHJC5282DY074345; số máy: JC52E1356373; dung tích xi lanh: 109cm³, năm sản xuất: 2014, số chỗ ngồi: 02, xe cũ đã qua sử dụng (xe không có gương chiếu hậu). Kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 006466 mang tên Lý Văn H, do Công an huyện Văn Lãng cấp ngày 11-10-2014.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn; có đặc điểm được mô tả theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02-02-2024).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Đ, bị cáo Hoàng Ký P và Hoàng Phi H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, sung ngân sách Nhà nước. Bị cáo Nông Văn Q được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp Lạng Sơn;
- Phòng PV06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PA09 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; THS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Thùy